

Bản án số: 59/2017/DS-ST

Ngày: 29/9/2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Lâm Tài.**

2. Bà **Ngô Thị Như Ý.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 tháng 9 và ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLST – DS ngày 15 tháng 3 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 07/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn V.M** – sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Nguyễn V.T** và bà **Trương Th.S**; Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị M.H**; Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bà **Trần Th.N**; Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M và bà N: Anh **Nguyễn Tr.K** Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ông M và bà N có mặt tại phiên tòa, ông T, bà S và chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2017 và các lời khai có tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 15/6/2014 ông T và bà S có vay của ông M và bà N số tiền 40.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông T và bà S trả tiền lãi suất được 5 tháng là 6.000.000đ thì không trả thêm khoản tiền nào. Nay ông M yêu cầu ông T và bà S trả cho ông M và bà N số tiền 40.000.000đ gốc và lãi suất là 37.200.000đ.

* Bị đơn ông T xác định ông và bà S không có vay của ông M và bà N khoản tiền nào như ông M trình bày, nên ông T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M đối với vợ chồng ông.

* Chị Nguyễn Thị M.H xác định chị H không biết ông T và bà S có vay tiền của ông M và bà N hay không, chị H cũng không có lần nào nhận tiền vay của ông M thay ông T và bà S cả.

* Bà N thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông M.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Ông T, bà S và chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có nộ văn bản nêu ý kiến khác.
- Nguyên đơn cung cấp hai người làm chứng tại phiên tòa.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ông M và bà N tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, ông T, bà S và chị H chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Do ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T và bà S có vay tiền ông M, nên đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M đối với ông T và bà S.

*** *Các tình tiết của vụ án:***

- Ông M xác định ông T và bà S có vay của ông M và bà N số tiền 40.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông T và bà S trả tiền lãi suất được 5 tháng là 6.000.000đ thì không trả thêm khoản tiền nào. Nay ông M yêu cầu ông T và bà S trả cho ông M và bà N số tiền 40.000.000đ gốc và lãi suất là 37.200.000đ.

- Ông T không thừa nhận có vay tiền của ông M, ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T và bà S có vay tiền ông M.

- Chị H xác định không có nhận tiền vay từ ông M thay ông T và bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ông Nguyễn V.M khởi kiện yêu cầu ông T và bà S trả tiền nợ vay, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do ông T, bà S và chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà S và chị H theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông M: Ông M xác định ông T và bà S có vay tiền của ông và bà N 40.000.000đ, thuận 3%/tháng. Do ông T và bà S trả tiền lãi suất được 5 tháng là 6.000.000đ thì không trả thêm khoản tiền nào, nên ông M yêu cầu ông T và bà S trả cho ông M và bà N số tiền 40.000.000đ gốc và lãi suất là 37.200.000đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."*.

Nay ông M khởi kiện đối với ông T và bà S, ông T và bà S không thừa nhận có vay tiền của ông M, ông M không chứng minh được cho trình bày của ông M là có căn cứ và hợp pháp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông M.

[4] Những người làm chứng do ông M cung cấp có lời khai không thống nhất nhau về nội dung và thời gian và lời khai không giống với lời khai của ông M, người làm chứng ông M cung cấp tại phiên tòa cũng không biết được ai nợ hui hay nợ tiền vay ai, nên không chứng minh được ông T và bà S có vay tiền của ông M và bà N.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông M đối với ông T và bà S.

[7] Về án phí: Do ông M không được chấp nhận yêu cầu, nên ông M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn V.M yêu cầu ông Nguyễn V.T và bà Trương Th.S trả số tiền nợ gốc 40.000.000đ và lãi suất 37.200.000đ.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn V.M phải chịu án phí là 3.860.000đ, do ông M là người cao tuổi theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí cho ông M. Ông M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.930.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003009 ngày 15/3/2017. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang